

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 46/2025/HS-ST
Ngày: 26 - 9 -2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Nở

Bà Chèo Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thục Trinh-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2025/TLST - HS ngày 15 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị D; Sinh năm 1991 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố Đ, thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa (nay là Khu phố Đ, xã B, tỉnh Thanh Hóa); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1965 và bà Lê Thị N, sinh năm 1969; Chồng: Phạm Văn T, sinh năm 1987; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/4/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. Tẩn Chửn M2; Sinh năm 1994 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu (nay là bản P, xã S, tỉnh Lai Châu); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tẩn C, sinh năm 1965 và bà Chèo San M, sinh năm 1964; Vợ: Lý Tả M1, sinh năm 1996 (đã ly hôn); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2025, tạm giam từ ngày 26/02/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

3. Phạm Thị L1; Sinh năm 1996 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa); Nơi tạm trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Số A, thôn H, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng (nay là thôn H, phường A, thành phố Hải Phòng); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn L2, sinh năm 1965 và bà Trương Thị A, sinh năm 1965; Chồng: Nguyễn Văn A, sinh năm 1989; Con: Có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/5/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

4. Lò Thị V; Sinh năm 1997 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản Xa, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La (nay là bản X, xã M, tỉnh Sơn La); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn B, sinh năm 1969 và bà Lương Thị T1, sinh năm 1967; Chồng: Hà Văn Q, sinh năm 1991; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2025 cho đến nay (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Tẩn Chấn M2:* Ông Lê Mạnh H - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Giàng Thị M3, sinh năm 2002 - Trú tại: Thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt).
2. Ông Phàn Cao S, sinh năm 1991 - Trú tại: Bản P, xã S, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).
3. Bà Lò Thị H1, sinh năm 1994 - Trú tại: Bản H, xã T, tỉnh Sơn La (Vắng mặt).
4. Bà Lò Thị M4, sinh năm 1995 - Trú tại: Bản K, xã M, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).
5. Ông Cà Văn N1, sinh năm 2004 - Trú tại: Bản N, xã C, tỉnh Sơn La (Vắng mặt).
6. Ông Lò Văn N2, sinh năm 1999 - Trú tại: Bản N, xã M, tỉnh Sơn La (Vắng mặt).
7. Ông Lò Văn M5, sinh năm 1997 - Trú tại: Bản N, xã M, tỉnh Sơn La (Vắng mặt).
8. Bà Đồng Thị T2, sinh năm 2001 - Trú tại: Thôn G, phường T, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt).
9. Ông Hà Văn Q1, sinh năm 2003 - Trú tại: Thôn X, xã N, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).
10. Ông Doãn Văn M6, sinh năm 2004 - Trú tại: Thôn D, xã Q, thành phố Hải Phòng (Vắng mặt).

11. Ông Ngô Văn H2, sinh năm 1986 - Trú tại: Thôn F, xã V, thành phố Hải Phòng (Vắng mặt).

12. Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1989 - Trú tại: Thôn H, xã A, thành phố Hải Phòng (Vắng mặt).

13. Ông Vũ Ngọc Q2, sinh năm 1998 - Trú tại: Tổ dân phố N, phường H, thành phố Hải Phòng (Vắng mặt).

14. Bà Lý Sao M7, sinh năm 1997 - Trú tại: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng tháng 11/2019, bị cáo Nguyễn Thị D cùng chồng đến khu công nghiệp T thuộc huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là quận A, thành phố Hải Phòng) để sinh sống. Tại đây, D mở quán photo tại chợ H9 để làm dịch vụ chụp ảnh thẻ, photo tài liệu, làm hộ chiếu, lý lịch tư pháp và các loại giấy tờ, tài liệu khác. Đến năm 2022, do có nhiều công nhân có nhu cầu công chứng các giấy tờ cá nhân nhưng có một số giấy tờ, tài liệu không công chứng được nên D nảy sinh ý định làm các loại tài liệu giả để thu lợi bất chính. D sử dụng tài khoản Zalo “Thanh Tuyen”, “Chị làm hồ sơ ĐX” để đăng thông tin nhận làm hộ chiếu, lý lịch tư pháp tại nhà kèm số điện thoại của D để khách hàng có nhu cầu liên hệ. Khi có khách hàng liên hệ đặt làm tài liệu giả (chủ yếu là bản photo hoặc bản photo có chứng thực sao đúng bản chính), D yêu cầu khách hàng gửi ảnh chụp căn cước công dân, cung cấp thông tin cá nhân, mẫu các loại tài liệu cần làm qua Zalo và thỏa thuận tiền công làm tài liệu giả từ 100.000 đồng đến 180.000 đồng/01 tài liệu giả. Sau khi nhận thông tin cá nhân của khách hàng, D lên mạng xã hội tìm các mẫu phôi tài liệu, mẫu con dấu, chữ ký tải về máy tính hoặc do khách hàng cung cấp mẫu rồi sử dụng phần mềm “adobe photoshop” để chỉnh sửa, cắt ghép thông tin theo yêu cầu của người đặt mua, dùng máy in màu để in và chụp ảnh gửi qua Zalo cho khách hàng xem trước, đồng thời yêu cầu khách hàng thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản vào số tài khoản của D. Sau khi nhận tiền, D gửi các tài liệu giả cho khách bằng hình thức chuyển phát nhanh của Vietnam Post.

Năm 2023, D chuyển nhượng lại cửa hàng cho bị cáo Phạm Thị L1 (chị dâu D) để chuyển về sinh sống tại tỉnh Thanh Hóa và vẫn tiếp tục nhận làm hộ chiếu, lý lịch tư pháp và các tài liệu giả. Trong thời gian này, Phạm Thị L1 sử dụng tài khoản Zalo “Tiêu giao làm hồ sơ” để đăng thông tin nhận làm hộ chiếu, lý lịch tư pháp và các tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Khi có khách hàng liên hệ, L1 thỏa thuận giá cả, nhận tiền, tổng hợp thông tin cá nhân do khách hàng cung cấp để D làm giả. Sau đó, L1 gửi các tài liệu giả cho khách bằng hình thức chuyển phát nhanh của Vietnam Post.

Bằng cách thức làm giả và tiêu thụ như trên, kết quả điều tra xác định trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến khi bị bắt, Nguyễn Thị D, Phạm Thị L1 đã làm giả nhiều tài liệu của nhiều cơ quan, tổ chức của một số tỉnh trong nước, trong đó có các tài liệu do các bị cáo Tần Chấn M2, Lò Thị V nhận làm của một số cá nhân và của bản thân bị cáo M2 rồi chuyển cho Z của D, L1 để làm giả, trách nhiệm cụ thể của các bị cáo như sau:

1. Đối với hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị D, Tần Chấn M2:

Trong thời gian từ năm 2022 đến khi bị bắt, bằng việc sử dụng tài khoản Zalo “T”, “Chị làm hồ sơ ĐX” để tìm khách hàng có nhu cầu làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Bị cáo Nguyễn Thị D đã nhiều lần làm giả các loại tài liệu như: Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Sơ yếu lý lịch tự thuật, bản sao trích lục khai sinh, bản sao căn cước công dân, xác nhận thông tin về cư trú, đơn xin xác nhận dân sự...cho bị cáo Tần Chấn M2 và nhiều người dân ở một số tỉnh trên cả nước, thu lợi bất chính tổng số 2.440.000 đồng, cụ thể:

Làm giả cho: Cà Văn N1 01 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông với giá 150.000 đồng; Lò Văn N2 01 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông với giá 150.000 đồng; Lò Văn M5 01 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông với giá 150.000 đồng; Đồng Thị T2 02 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông với giá 150.000 đồng; Hà Văn Q1 02 bản photo Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông với giá 180.000 đồng; Doãn Văn M6 01 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông với giá 170.000 đồng; Ngô Văn H2 01 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông với giá 200.000 đồng; Nguyễn Thị N3 01 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông với giá 200.000 đồng; Vũ Ngọc Q2 01 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông với giá 200.000 đồng; Bị cáo Tần Chấn M2 02 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, 01 bản sao trích lục khai sinh và 01 giấy xác nhận cư trú với tổng số tiền 570.000 đồng.

Ngoài ra, thông qua bị cáo Tần Chấn M2 và Phạm Thị L1, D đã tiếp nhận thông tin, làm giả 05 tài liệu cho Giàng Thị M3 và 01 bản photo Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông cho Phan Cao S với giá 600.000 đồng. Thông qua Lò Thị V, D đã tiếp nhận thông tin, làm giả 01 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông cho Lò Thị M4 và 01 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông cho Lò Thị H1 với giá 350.000 đồng.

2. Đối với hành vi của các bị cáo Phạm Thị L1, Tần Chấn M2:

Khoảng tháng 5/2022, bị cáo Tần Chấn M2 đến quán photo của D tại chợ H9 trao đổi về việc làm giấy tờ, tài liệu. Qua nói chuyện, biết D có nhận làm các loại tài liệu giả có xác nhận của chính quyền địa phương để nộp vào Công ty nên M2 đã sử

dụng tài khoản Zalo “Minh À” đăng ký với tài khoản Zalo “Thanh Tuyen” của D. Đến khoảng tháng 02/2023, M2 nhắn tin qua Z cho D đặt làm tài liệu giả. Thời gian này D chuyển về sinh sống tại tỉnh Thanh Hóa và bận con nhỏ nên D gửi cho M2 số điện thoại của Nguyễn Văn A (anh trai D, chồng bị cáo L1) để liên hệ làm tài liệu giả. Do M2 không liên lạc được với A nên D bảo M2 đi ra quán photo tại chợ H9 nói chuyện trực tiếp với bị cáo Phạm Thị L1 về việc làm tài liệu giả. Tại đây, M2 xin số điện thoại và kết bạn với Phạm Thị L1 bằng tài khoản Zalo “Tiêu giao làm hồ sơ”.

Tháng 02/2023, M2 nhắn tin qua Z “Tiêu giao làm hồ sơ” trao đổi về việc làm tài liệu giả nhưng L1 không trả lời tin nhắn. Đến tháng 7/2023, M2 tiếp tục nhắn tin qua Zalo đặt làm 01 Sơ yếu lý lịch tự thuật, 01 bản sao trích lục khai sinh, 01 bản sao căn cước công dân, 01 xác nhận thông tin về cư trú, 01 đơn xin xác nhận về dân sự có chữ ký xác nhận và đóng dấu của chính quyền xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai cho Giàng Thị M3 và 01 bản photo Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông cho Phan Cao S. L1 đồng ý và yêu cầu M2 gửi các thông tin cá nhân của S và M3 qua Z cho L1. Sau đó, L1 gọi điện cho D thông báo có người đặt làm tài liệu giả và hỏi D tiền công làm tài liệu để thông báo lại cho M2. Do biết L1 mới tiếp nhận lại quán, sử dụng chưa thành thạo phần mềm photoshop nên D sử dụng phần mềm Ultraviewer (phần mềm điều khiển máy tính từ xa) truy cập vào máy tính tại quán photo của L1 để thực hiện chỉnh sửa, cắt ghép, làm giả các tài liệu theo yêu cầu của M2 rồi dùng máy in phun màu kết nối với máy tính của L1 để in các tài liệu đã làm giả. Sau khi làm xong tài liệu giả, L1 nhắn tin qua Zalo bảo M2 chuyển khoản 600.000 đồng vào tài khoản ngân hàng A1 mang tên Nguyễn Văn A. Sau đó, L1 ra trung tâm chuyển phát nhanh của Vietnam Post gửi các tài liệu giả cho M2. Sau khi nhận các tài liệu từ M2, Giàng Thị M3 đã nộp hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH L4 và làm việc ở đó đến tháng 01/2024 thì về nhà, còn Phan Cao S do Công ty không yêu cầu nữa nên S vứt đi.

Ngoài đặt làm tài liệu giả với Nguyễn Thị D và Phạm Thị L1, vào khoảng tháng 11/2023 Tản Chấn M2 còn liên hệ với tài khoản Facebook “Nhận làm giấy tờ toàn quốc” để đặt làm giả căn cước công dân cho Lý Sao M7 với giá 3.000.000 đồng. Sau khi nhận căn cước công dân giả từ M2, ngày 05/02/2025 Lý Sao M7 đến trạm Công an quản lý xuất nhập cảnh cửa khẩu M9 làm hồ sơ đề nghị cấp giấy thông hành để xuất cảnh sang Trung Quốc thì bị Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Lai Châu phát hiện, lập biên bản sự việc và tiến hành điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Đối với hành vi của các bị cáo Lò Thị V, Nguyễn Thị D:

Tháng 02/2024, bị cáo Lò Thị V sử dụng tài khoản Zalo của chồng Hà Văn Q với tên “Hà Quỳnh Q3” kết bạn với tài khoản Zalo “Thanh Tuyen” của D đặt làm giả 01 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông cho Lò Thị M4 và 01 bản photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông cho Lò Thị H1. Sau khi cung cấp thông tin cá nhân của H1 và M4 cho D, V sử dụng tài khoản ngân hàng mang tên Hà Văn

Q chuyển vào tài khoản của D 350.000 đồng (trong đó gồm cả phí ship vận chuyển là 30.000 đồng). D sử dụng phần mềm “adobe photoshop” chỉnh sửa, cắt ghép, chèn dấu đỏ và chữ ký đúng với thông tin V yêu cầu rồi dùng máy in phun màu để in và gửi cho V. Sau khi nhận tài liệu giả, V sử dụng các tài liệu trên mục đích để nộp hồ sơ xin việc vào Công ty N6-tech VIETNAM cho Lò Thị M4 và Lò Thị H1 nhưng M4 và H1 không vào Công ty làm nên V chưa nộp, hiện Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ngày 22/4/2025 và 31/5/2025 Cơ quan điều tra đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị D, Phạm Thị L1 đã phát hiện và thu giữ một số tài liệu, máy móc phục vụ việc làm giả của các bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: 01 điện thoại SAMSUNG Galaxy M21 kèm theo 02 thẻ sim; 01 máy tính DELL; 01 bàn phím màu trắng; 01 chuột máy tính; 01 dây nguồn và các dây kết nối giữa máy tính và máy in; 01 máy in màu đen nhãn hiệu CANON PIXMA G1010 và 01 thẻ ATM cùng các loại tài liệu thu của Nguyễn Thị D là của bị cáo Nguyễn Thị D liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; số tiền 2.440.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội bị cáo D đã tác động gia đình nộp lại số tiền trên. 01 Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông bản photo chứng thực của Ủy ban nhân dân xã D; 01 bản photo chứng thực Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; 01 bản sao trích lục khai sinh; 01 giấy xác nhận cư trú đều mang tên Tần Chấn M2 thu giữ tại Công ty TNHH K2 và Công ty Cổ phần T9 là do bị cáo Tần Chấn M2 đặt bị cáo Nguyễn Thị D làm giả.

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen kèm theo 02 thẻ sim là của bị cáo Tần Chấn M2 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. 01 căn cước công dân mang tên Lý Sao M7 là do Tần Chấn M2 làm giả cho M7 với giá 3.000.000 đồng.

01 Sơ yếu lý lịch tự thuật; 01 trích lục khai sinh bản sao; 01 bản sao căn cước công dân; 01 xác nhận thông tin về cư trú; 01 đơn xin xác nhận dân sự của Giàng Thị M3 thu tại Công ty TNHH L4 là do bị cáo Tần Chấn M2 đặt làm giả với bị cáo Phạm Thị L1

01 điện thoại di động SAMSUNG Galaxy A04 kèm theo 02 thẻ sim; 01 màn hình máy tính DELL; 01 CPU COOLERPLUS; 01 bàn phím màu đen; 01 chuột máy tính; 01 dây nguồn và các dây kết nối giữa máy tính và máy in; 01 máy in màu đen nhãn hiệu CANON PIXMA là của bị cáo Phạm Thị L1 liên quan đến hành vi phạm tội; số tiền 600.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội bị cáo L1 đã tác động gia đình nộp lại số tiền trên.

01 Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính mang tên Lò Thị M4 và 01 Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính mang tên Lò Thị H1 là do bị cáo Lò Thị V đặt làm giả của Nguyễn Thị D.

01 Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông photo có chứng thực bản sao đúng với bản chính mang tên Lò Văn N2 là do N2 đặt làm giả với bị cáo Nguyễn Thị D mục đích để xin việc.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa trình bày phù hợp với lời khai của các bị cáo về thời gian, quá trình trao đổi, liên lạc về việc làm tài liệu giả. Sau khi nhận được tài liệu giả họ không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể: Giàng Thị M3 sau khi nhận tài liệu giả đã nộp vào Công ty TNHH L4 để xin việc và hiện đã bỏ việc về nhà; Lò Thị H1, Lò Thị M4 sau khi bị cáo Lò Thị V làm xong tài liệu giả thì V cầm, hiện Công an đã thu giữ; Cà Văn N1 đã nhận tài liệu giả nhưng không nhớ nộp ở Công ty nào; Lò Văn N2 đã nộp lại tài liệu giả cho Cơ quan điều tra; Lò Văn M5, Đồng Thị T2, Doãn Văn M6, Nguyễn Thị N3, Vũ Ngọc Q2 sau khi nhận tài liệu giả không sử dụng và đã đốt; Phan Cao S, Hà Văn Q1, Ngô Văn H2 sau khi nhận tài liệu giả không sử dụng và đã vứt đi; Lý Sao M7 sau khi nhận tài liệu giả sử dụng vào mục đích xuất cảnh sang Trung Quốc thăm mẹ đẻ nhưng đã bị Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Lai Châu thu giữ.

Qua kết quả kiểm tra máy tính, điện thoại và kết quả khám xét nơi ở của bị cáo Nguyễn Thị D còn thể hiện thông tin của một số người gồm: Cà Văn S1, Lò Văn N4, Quảng Văn D2, Trương Mỹ H3, Lê Văn C, Nghiêm Quang H4, Trịnh Văn N5, Trần Thu H5, Phạm Hồng P2, Sầm Thị H6, Lô Thị M8, Quang Văn T3, Sầm Văn T4, Di A H7, Di A L3, Sùng Anh D3. Tuy nhiên kết quả điều tra xác định: D không xác định được do thông tin không đầy đủ; H3, C không đăng ký hộ khẩu theo thông tin; S1, N4, H4, N5, H5, P2, H6, M8, T3, T4, H7, L3, D3 hiện không có mặt tại địa phương. Bị cáo D không nhớ có làm tài liệu giả cho những người trên hay không vì có trường hợp bị cáo photo hồng hoặc tự in trên mạng xuống để tham khảo, có trường hợp người đặt làm giả gửi cho để làm mẫu nên chưa đủ căn cứ để xác minh làm rõ và xử lý trong cùng vụ án.

Đối với bị cáo Tần Chấn M2 và những người đặt mua tài liệu giả của các bị cáo, kết quả điều tra xác định: M2 và một số người mua đã nộp vào Công ty để xin việc nhưng sau đó đã không làm việc ở Công ty đó, có người đặt mua xong không sử dụng hoặc vứt đi. Do đó, ngày 18/7/2025 Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi các cơ quan có thẩm quyền phối hợp xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với những trường hợp trên là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Văn A (chồng bị cáo L1) là người do bị cáo D giới thiệu cho bị cáo M2 liên hệ để làm tài liệu giả và là chủ tài khoản ngân hàng mà bị cáo M2 chuyển khoản 600.000 đồng cho bị cáo L1. Kết quả điều tra xác định, A không quen biết, không trao đổi với bị cáo M2 về việc làm tài liệu giả; không biết M2 chuyển tiền vào tài khoản để thanh toán tiền làm tài liệu giả cho L1. A không được L1 bàn bạc, trao đổi việc làm tài liệu giả nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với A là có căn cứ.

Đối với Hà Văn Q (chồng bị cáo V) là người đứng tên đăng ký tài khoản Zalo “Hà Quỳnh Q3” và chủ tài khoản ngân hàng mà bị cáo V sử dụng để nhắn tin, chuyển

tiền cho bị cáo D làm Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông giả cho Lò Thị M4, Lò Thị H1. Kết quả điều tra xác định, khi V sử dụng điện thoại, tài khoản trên để nhắn tin trao đổi, chuyển tiền về việc làm tài liệu giả với bị cáo D là do bị cáo V tự sử dụng, Q không biết vì Q đi làm Công ty nên để điện thoại ở nhà. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Q là có căn cứ.

Đối với tài khoản Facebook có tên “Nhận làm giấy tờ toàn quốc”, theo bị cáo Tấn Chấn M2 khai đây là tài khoản mà bị cáo M2 liên hệ đặt làm căn cước công dân giả cho Lý Sao M7. Kết quả điều tra xác định, ngoài lời khai duy nhất của bị cáo không có căn cứ tài liệu khác chứng minh nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra xác minh làm rõ đối với tài khoản Facebook này.

Tại kết luận giám định số 235/KL-KTHS ngày 25/02/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *Các hình dấu trên các mẫu cần giám định (01 Sơ yếu lý lịch tự thuật, 01 bản sao trích lục khai sinh, 01 bản sao căn cước công dân, 01 xác nhận thông tin về cư trú, 01 đơn xin xác nhận dân sự mang tên Giàng Thị M3) không phải là hình dấu đóng mà là sản phẩm của phương pháp in phun màu; các chữ ký mang tên Cư Trữ, Bùi Quang H8 trên các mẫu cần giám định không phải là chữ ký trực tiếp mà là sản phẩm của phương pháp in phun màu.*

Tại kết luận giám định số 338/KL-KTHS ngày 28/4/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *Các hình dấu trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 (01 bản sao trích lục khai sinh Tấn Chấn Minh đề ngày 24/5/2024), A8 và A9 (Bản photo Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Tấn Chấn M2), A10 (01 xác nhận thông tin về cư trú đối với Tấn Chấn M2) không phải là hình dấu đóng mà là sản phẩm của phương pháp in phun màu. Các chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A4, A8, A9, A10 không phải là chữ ký trực tiếp mà là sản phẩm của phương pháp in phun màu.*

Tại kết luận giám định số 422/KL-KTHS ngày 26/5/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *Các hình dấu có nội dung “UBND XÃ BẢN LANG/CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH. Ngày 19 tháng 02 năm 2024; Số chứng thực 127. Quyển số 01 SCT/BS”; “UBND XÃ BẢN LANG H.PHONG THỐ T.LAI CHÂU”; “PHÓ CHỦ TỊCH” và “Lành Văn T5” trên các tài liệu ký hiệu A1 (01 bản photo có dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Lò Thị M4), A2 (01 bản photo có dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Lò Thị H1) gửi giám định không phải là hình dấu đóng trực tiếp, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu. Các chữ ký mang tên Lành Văn T5 trên các ký hiệu A1, A2 gửi giám định không phải chữ ký trực tiếp, được thực hiện bằng phương pháp in phun màu.*

Tại kết luận giám định số 537/KL-KTHS ngày 06/7/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *Các hình dấu trên các mẫu cần giám định (01 bản photo có dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Lò Văn N2) không phải là hình dấu đóng mà được tạo ra bằng phương*

pháp in phun màu. Chữ ký mang tên QUẢNG VĂN CHUM trên mẫu cần giám định không phải là chữ ký trực tiếp mà được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Tại Thông báo kết luận giám định số 50/TBGĐ ngày 12/02/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *Căn cước công dân mang tên Lý Sao M7 gửi giám định là căn cước công dân giả.*

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKSLC-P1 ngày 15/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị D, Tẩn Chín M2, Phạm Thị L1 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lò Thị V về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D, Tẩn Chín M2, Phạm Thị L1, Lò Thị V phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2025.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Tẩn Chín M2 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2025.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị L1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2025.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Thị V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại SAMSUNG Galaxy M21 kèm theo 02 thẻ sim; 01 máy tính DELL; 01 bàn phím màu trắng; 01 chuột máy tính; 01 dây nguồn và các dây kết nối giữa máy tính và máy in; 01 máy in màu đen nhãn hiệu CANON PIXMA G1010; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen kèm theo 02 thẻ sim; 01 điện thoại di động SAMSUNG Galaxy A04 kèm theo 02 thẻ sim; 01 màn hình máy tính DELL; 01 CPU COOLERPLUS; 01 bàn phím màu đen; 01 chuột máy tính; 01 dây nguồn và các dây kết nối giữa máy tính và máy in; 01 máy in màu đen nhãn hiệu CANON PIXMA.

Truy thu sung quỹ Nhà nước của các bị cáo: Nguyễn Thị D là 2.440.000 đồng, hiện đã nộp đủ; Tần Chấn M2 là 3.000.000 đồng; Phạm Thị L1 là 600.000 đồng, hiện đã nộp đủ.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Tần Chấn M2 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341, điểm s, t, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo M2 được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Về án phí hình sự sơ thẩm đề nghị miễn cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Tần Chấn M2 nhất trí ý kiến bào chữa và không bổ sung gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Vì động cơ vụ lợi bất chính và động cơ cá nhân nên trong thời gian từ năm 2022 đến tháng 4/2025 tại địa bàn thành phố Hải Phòng và các tỉnh Thanh Hóa, Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, các bị cáo Nguyễn Thị D, Tần Chấn M2, Phạm Thị L1 và Lò Thị V đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị D đã nhiều lần làm giả tổng số 23 tài liệu của cơ quan, tổ chức cho các cá nhân ở một số tỉnh, thành khác nhau để thu lợi bất chính 2.440.000 đồng.

Bị cáo Tần Chấn M2 đã liên hệ với bị cáo Nguyễn Thị D, Phạm Thị L1 để làm giả 06 tài liệu của cơ quan, tổ chức cho Giảng Thị M3, Phàn Cao S; 04 tài liệu giả cho bản thân M2 và liên hệ với tài khoản Facebook có tên “Nhận làm giấy tờ

toàn quốc” để làm giả 01 căn cước công dân cho Lý Sao M7 để thu lợi bất chính 3.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Thị L1 đã cùng bị cáo Nguyễn Thị D 01 lần làm giả 06 tài liệu của cơ quan, tổ chức cho bị cáo Tần Chin M2 để thu lợi bất chính 600.000 đồng.

Bị cáo Lò Thị V đã liên hệ với bị cáo Nguyễn Thị D để làm giả 02 tài liệu của cơ quan, tổ chức cho Lò Thị M4 và Lò Thị Hoài .

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của các Cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Nhận thức được điều đó nhưng vì tư lợi cá nhân nên đã thúc đẩy các bị cáo cố ý phạm tội. Các bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thị D, Tần Chin M2, Phạm Thị L1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Lò Thị V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Thị D là người khởi xướng và trực tiếp làm giả 23 tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tiếp đến là bị cáo Tần Chin M2, M2 là người trực tiếp chuyển thông tin cho bị cáo D và L1 để làm giả cho một số người dân trên địa bàn tỉnh Lai Châu và bản thân M2 10 tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, ngoài ra M2 01 lần trực tiếp chuyển thông tin cho người không rõ tên tuổi và địa chỉ để làm giả cho Lý Sao M7 01 căn cước công dân. Tiếp theo là bị cáo Phạm Thị L1 đã làm giả 06 tài liệu do bị cáo Minh chuyển thông tin đến để làm giả cho Giảng Thị M3, Phàn Cao S. Bị cáo Lò Thị V đã trực tiếp chuyển thông tin để làm giả 02 tài liệu cho Lò Thị M4 và Lò Thị Hoài. Vì vậy, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thị D, Tần Chin M2 phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Phạm Thị L1, Lò Thị V không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Nguyễn Thị D có chồng là Phạm Văn T được Trung Đoàn Bộ Binh 3 và T10 3 tặng Giấy khen, bố chồng là Phạm Văn T6 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C tặng Giấy khen và Bộ trưởng bộ C2 tặng kỷ niệm chương bảo vệ an ninh Tổ quốc, bố đẻ là Nguyễn Văn L được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ tặng Giấy khen, bà ngoại chồng là Hà Thị K tham gia dân công hỏa tuyến, ông nội là Nguyễn Văn T7 có thời gian tham gia quân đội và được hưởng chế độ, bác ruột là Nguyễn Văn Đ được tặng

thường huân chương, bị cáo đã tác động gia đình nộp 2.440.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Bị cáo Phạm Thị L1 có bố chồng là Nguyễn Văn L được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ tặng Giấy khen, ông nội là Phạm Đình K1 được tặng huy chương, bác ruột là Phạm Hồng T8 được tặng Giấy khen, bị cáo đã tác động gia đình nộp 600.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Các bị cáo Tần Chấn M2, Phạm Thị L1, Lò Thị V là người dân tộc thiểu số, bị cáo M2 sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt tù đối với bị cáo D ở mức án cao nhất, tiếp đến là bị cáo M2 và tiếp sau là bị cáo L1. Đối với bị cáo V, V là người có vai trò thấp nhất trong vụ án, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên có thể cho bị cáo V tự cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách để bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng điểm t, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo M2 vì: Sau khi Lý Sao M7 bị cơ quan chức năng phát hiện và thu giữ 01 căn cước công dân giả, M7 đã khai ra bị cáo M2. Sau khi Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại của M2 mới phát hiện ra M2 làm giả tài liệu với bị cáo D và L1. Tình tiết nêu trên của bị cáo M2 không thỏa mãn điểm t, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó không đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M2.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy các bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: 01 điện thoại SAMSUNG Galaxy M21 kèm theo 02 thẻ sim; 01 máy tính DELL; 01 bàn phím màu trắng; 01 chuột máy tính; 01 dây nguồn và các dây kết nối giữa máy tính và máy in; 01 máy in màu đen nhãn hiệu CANON PIXMA G1010 là của bị cáo Nguyễn Thị D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen kèm theo 02 thẻ sim là của bị cáo Tần Chấn M2; 01 điện thoại di động SAMSUNG Galaxy A04 kèm theo 02 thẻ sim; 01 màn hình máy tính DELL; 01 CPU COOLERPLUS; 01 bàn phím màu đen; 01 chuột máy tính; 01 dây nguồn và các dây kết nối giữa máy tính và máy in; 01 máy in màu đen nhãn hiệu CANON PIXMA là của bị cáo Phạm Thị L1. Xét thấy các bị cáo D, M2, L1 sử dụng các phương tiện, công cụ trên vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47

Bộ luật hình sự.

Đối với tiền thu lợi bất chính của các bị cáo, cụ thể: Nguyễn Thị D là 2.440.000 đồng, hiện đã nộp đủ; Tân Chín M2 là 3.000.000 đồng; Phạm Thị L1 là 600.000 đồng, hiện đã nộp đủ. Xét cần truy thu sung quỹ Nhà nước theo điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[6]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị D, Phạm Thị L1, Lò Thị V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Tân Chín M2 là dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo M2 theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 (đối với các bị cáo D, L1, V), điểm đ khoản 1 Điều 12 (đối với bị cáo M2) Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Kiến nghị: Đề nghị Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tiếp tục xác minh làm rõ các đối tượng có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm tránh lọt người, lọt tội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị D, Tân Chín M2;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thị L1;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Thị V.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 (đối với các bị cáo D, L1, V), điểm đ khoản 1 Điều 12 (đối với bị cáo M2) Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Nguyễn Thị D, Tân Chín M2, Phạm Thị L1, Lò Thị V.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D, Tân Chín M2, Phạm Thị L1, Lò Thị V phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2025.

2.2. Xử phạt bị cáo Tân Chín M2 03 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2025.

2.3. Xử phạt bị cáo Phạm Thị L1 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2025.

2.4. Xử phạt bị cáo Lò Thị V 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/9/2025). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

* Trường hợp bị cáo Lò Thị V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng của vụ án:

3.1. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại SAMSUNG Galaxy M21 kèm theo 02 thẻ sim; 01 máy tính DELL; 01 bàn phím màu trắng; 01 chuột máy tính; 01 dây nguồn và các dây kết nối giữa máy tính và máy in; 01 máy in màu đen nhãn hiệu CANON PIXMA G1010; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen kèm theo 02 thẻ sim; 01 điện thoại di động SAMSUNG Galaxy A04 kèm theo 02 thẻ sim; 01 màn hình máy tính DELL; 01 CPU COOLERPLUS; 01 bàn phím màu đen; 01 chuột máy tính; 01 dây nguồn và các dây kết nối giữa máy tính và máy in; 01 máy in màu đen nhãn hiệu CANON PIXMA.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 18/8/2025 giữa Công an tỉnh Lai Châu và Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).

3.2. Truy thu sung quỹ Nhà nước tiền thu lợi bất chính của các bị cáo như sau:

+ Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị D 2.440.000 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp đủ tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu (theo biên lai số 0000008 ngày 06 tháng 8 năm 2025).

+ Truy thu của bị cáo Tần Chấn M2 3.000.000 đồng.

+ Truy thu của bị cáo Phạm Thị L1 600.000 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp đủ tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu (theo biên lai số 0000009 ngày 06 tháng 8 năm 2025).

4. Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Thị D, Phạm Thị L1, Lò Thị V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tần Chấn M2.

Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm 1, TAND Tối cao;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Viện phúc thẩm 1, VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu (PV06, PA09);
- THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo; Người có QL, NVLQ;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lai Châu;
- Người bào chữa;
- UBND xã Mường Giôn;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Phương